

Bản án số: 17/2024/DS-ST

Ngày 08-03-2024

V/v Tranh chấp nợ hụi

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ca Kiều Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2023/TLST- DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp nợ hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1957

Địa chỉ: **Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu**

**- Bị đơn:** Ông **Khấu Văn L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: **Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu**

(Bà **P** và ông **L** có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2024, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Trần Thị P** trình bày:

Ngày 19/06/2012 ông **Khấu Văn L** có mở 01 dây hụi trị giá 1.000.000 đồng, có 24 chứng, bà **P** tham gia 01 chứng, bà **P** đóng hụi được 09 lần với số tiền 9.000.000 đồng thì ông **L** đã ngưng hụi. Nhưng nay ông **L** chỉ thừa nhận chỉ nhận số tiền bà **P** đóng hụi là 5.430.000 đồng thì bà **P** cũng thống nhất với số tiền hụi đã đóng này và trong quá trình ngưng hụi ông **L** có trả bà **P** 03 lần với số tiền tổng cộng là 480.000 đồng, bà **P** đồng ý đối trừ với số tiền hụi đã đóng mà ông **L** chưa trả lại cho bà. Trong

quá trình giao dịch hui thì bà sử dụng tiền của cá nhân và chỉ giao dịch hui với cá nhân ông L.

Tại phiên tòa, bà P giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, bà P yêu cầu ông L trả số tiền hui 9.000.000 đồng và đồng ý đối trừ số tiền hui ông L đã trả là 480.000 đồng, không đồng ý đối trừ số tiền 4.000.000 đồng theo yêu cầu của ông L. Do đó, bà P yêu cầu ông L trả số tiền hui còn lại là 8.520.000 đồng, bà P không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Khấu Văn L trình bày: Ông L thừa nhận Ngày 19/6/2012 ông L có mở 01 dây hui trị giá 1.000.000 đồng, có 24 chung, bà P tham gia 01 chung, bà P đóng hui được 09 lần với số tiền 5.430.000 đồng, sau đó các hui viên không đóng hui đầy đủ ông L không còn khả năng lấp hui nên đã tuyên bố ngừng hui. Việc bà P khởi kiện yêu cầu trả 9.000.000 đồng cho 9 lần đóng hui là không đúng thực tế, ông L đã nhận 09 lần đóng hui của bà P với số tiền 5.430.000 đồng thì ông làm đồng ý trả 5.430.000 đồng. Tuy nhiên, ông L cho rằng khi ngưng hui đến năm 2016 thì ông L có thỏa thuận với các hui viên là sẽ trả dần tiền gốc cho hui viên trong đó có bà P, ông L đã nhiều lần trả lại tiền hui cho bà P với số tiền tổng cộng là 4.000.000 đồng, khi trả tiền hui thì ông L không có làm giấy tờ gì. Do đó, ông L yêu cầu được đối trừ số tiền đã trả, ông L chỉ đồng ý trả bà P số tiền nợ hui 1.430.000 đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp nợ hui”. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc ông L có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền nợ hui là 4.950.000 đồng và tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Đối với yêu cầu của bà P không được chấp nhận là 3.570.000 đồng, bà P được miễn án phí theo quy định pháp luật. Đối với án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông L phải chịu theo quy định pháp luật đối với số tiền phải trả cho bà P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 08/01/2024 của nguyên đơn có căn cứ xác định đây là vụ án dân sự về việc

“Tranh chấp nợ hui” do bị đơn **Khấu Văn L** cư trú tại: **Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay nhưng người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất có việc chơi hui xảy ra trên thực tế. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà **P** cho rằng đã đóng hui cho ông **L** 09 lần với số tiền 9.000.000 đồng, nhưng bà **P** không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông **L** nhận của bà số tiền này. Trong khi đó, ông **L** chỉ thừa nhận có nhận 09 lần tiền hui của bà **P** với số tiền 5.430.000 đồng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà **P**, mà chỉ có căn cứ buộc ông **L** trả số tiền nợ hui theo sự thừa nhận của ông **L**. Vì vậy, Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **P**, buộc bị ông **L** trả bà **P** số tiền nợ hui 5.430.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà **P** buộc ông **L** trả số tiền nợ hui còn lại là 3.750.000 đồng.

Đối với việc ông **L** xác định từ khi ngưng hui thì ông **L** có nhiều lần trả tiền hui cho bà **P** với tổng số tiền 4.000.000 đồng, nhưng ông **L** không có tài liệu chứng cứ thể hiện bà **P** đã nhận số tiền này. Trong khi đó, bà **P** thừa nhận chỉ nhận số tiền hui ông **L** đã trả là 480.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở chấp nhận một phần ý kiến của ông **L**, đối trừ số tiền 480.000 đồng với số tiền nợ hui của ông **L**. Buộc ông **L** trả bà **P** số tiền nợ hui còn lại là 4.950.000 đồng. Do bà **P** không yêu cầu tính lãi nên không xem xét tiền lãi.

[4] Xét ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai về việc giải quyết vụ án là phù hợp, có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị đơn ông **L** có nghĩa vụ trả bà **P** số tiền 4.950.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 300.000 đồng. Bà **P** được miễn án phí.

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 178; Điều 227 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 7 Điều 4; khoản 2 Điều 10; Điều 16 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hui, họ, biên, phường;
- Áp dụng Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị P** đối với ông **Khấu Văn L** về việc tranh chấp nợ hụi.

Buộc ông **Khấu Văn L** có nghĩa vụ trả cho bà **Trần Thị P** tiền nợ hụi là 4.950.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng ông **L** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị P** về việc yêu cầu ông **Khấu Văn L** trả số tiền nợ hụi 3.570.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông **Khấu Văn L** phải nộp 300.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai khi án có hiệu lực pháp luật. Bà **Trần Thị P** được miễn án phí.

4. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- *Nơi nhận:*

- + TAND tỉnh Bạc Liêu;
- + VKSND cùng cấp;
- + Chi cục THADS cùng cấp;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ca Kiều Nguyệt**